TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:47/2019/DS-PT
Ngày: 17/01/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm, gồm có :

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Nguyễn Minh Quang

Các thẩm phán: 1. Bà Phạm Thị Nhung

2. Bà Phạm Thị Thảo

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận, Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 322/2018/DS-PT ngày 13 tháng 7 năm 2018, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 273/2018/DS-ST ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6116/2018/QĐPT ngày 12/12/2018 và quyết định hoãn phiên tòa 71/2019/QĐ-PT ngày 03/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Xuân L, sinh năm 1956. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 202/121 đường Y, Phường Z, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Cổ phần M.

Địa chỉ trụ sở: Số 64 - 68 đường H, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1994– nhân viên công ty là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền số 22/2018/GUQ-CTHĐQT). (Có mặt)

Địa chỉ: Số 64 - 68 đường H, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2017, nguyên đơn là Ông Đoàn Xuân L trình bày:

Ngày 30/11/2011 Ông Đoàn Xuân L và Công ty Cổ phần M có ký với nhau Hợp đồng vay tiền số HĐ: 02442/2011/HĐVT ngày với nội dung ông L cho Công ty

Cổ phần M vay số tiền là 330.000.000 đồng, thời hạn vay là 13 tháng kể từ ngày 30/11/2011 đến ngày 30/12/2012, lãi suất chưa khấu trừ thuế TNCN 5%: 1,8%/tháng, tương đương 21,6%/năm. Đến ngày đáo hạn, ngày 01/01/2013 Công ty Cổ phần M không trả vốn vay để thanh lý hợp đồng vay tiền do đó hợp đồng vay trở thành nợ vay quá hạn. Ngày 07/10/2013 Công ty Cổ phần M xin giảm lãi suất còn 14%/năm và gia hạn hợp đồng thêm 24 tháng nhưng ông L chỉ đồng ý gia hạn đến ngày 31/12/2013 sau đó không gia hạn tiếp. Sau đó Công ty Cổ phần M trả lãi hàng tháng đến ngày 04/8/2014 thì Công ty M ngưng trả lãi.

Từ ngày 12/02/2015 Công ty Cổ phần M bắt đầu trả vốn vay với số tiền 20.000.000 đồng/tháng đến ngày 29/6/2017 thì trả hết vốn vay. Trong thời gian trả vốn thì Công ty Cổ phần M không trả lãi vay cho ông L. Từ tháng 8/2017 ông L nhiều lần bằng văn bản yêu cầu Công ty Cổ phần M trả lãi còn lại nhưng Công ty vẫn không trả. Do đó ông yêu cầu Công ty M phải trả lãi theo lãi suất như hợp đồng quy định cụ thể là 20%/năm.

Nay căn cứ Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 ông yêu cầu Công ty M trả cho ông số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Lãi suất trên nợ gốc thời gian từ ngày 30/11/2011 đến ngày 30/12/2013: 13.5%/năm x 330.000.000 x 2 năm 1 tháng = 89.100.000 đồng.

Lãi nợ quá hạn + lãi trên nợ gốc thời gian từ ngày 30/12/2013 đến ngày 30/4/2014 là (13,5% + 9%) x 330.000.000x 4 tháng = 24.410.000 đồng.

Lãi nợ quá hạn + lãi trên nợ gốc từ ngày 30/4/2014 đến ngày 30/6/2017 là ngày Công ty M bắt đầu trả lãi, lãi suất được tính trên nợ gốc giảm dần là (13,5%/năm x nợ gốc) + (9%/năm x nợ gốc giảm dần) = 141.075.000 + 57.168.490 = 198.243.490 đồng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 30/11/2011 đến ngày 30/4/2014, Công ty M đã trả cho ông số tiền lãi tổng cộng là 119.123.400 đồng sẽ được trừ vào số tiền mà Công ty Cổ phần M phải thanh toán lại cho ông. Tổng cộng số tiền ông đề nghị Công ty Cổ phần M phải trả lại cho ông là 192.630.090 đồng.

Bị đơn là Công ty Cổ phần M có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần M đồng ý với ông L về việc hai bên có ký kết với nhau Hợp đồng vay tiền số HĐ: 02442/2011/HĐVT ngày 30/11/2011. Theo đơn khởi kiện thì ông L và Công ty Cổ phần M có tranh chấp với nhau về lãi suất, Công ty yêu cầu mức lãi suất là 8%/năm trong khi ông L yêu cầu lãi suất là 21%/năm. Nhận thấy căn cứ theo các quy định của pháp luật tại Điều 476, Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 và quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì Hợp đồng vay tiền số 02442/2011/HĐVT ngày 30/11/2011 có mức lãi suất do các bên thỏa thuận là cao hơn mức lãi suất do pháp luật quy định nên Công ty Cổ phần M chỉ đồng ý trả cho ông L tổng số tiền lãi còn thiếu là 60.325.000 đồng tương ứng với mức lãi suất là 9%/năm.

Tại bản án sơ thẩm số 273/2018/DS-ST ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty Cổ phần M trả cho Ông Đoàn Xuân L số tiền là 94.964.100 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của các đương sự bên có nghĩa vụ trả tiền chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải trả thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 19/6/2018 Công ty Cổ phần M có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm về hình thức và nội dung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án:

Công ty Công ty Cổ phần M đồng ý trả cho Ông Đoàn Xuân L số tiền 75.000.000 đồng trước ngày 30/01/2019.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần M tự nguyện chịu.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần M phải đóng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến hết quá trình xét xử phúc thẩm. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Đơn kháng cáo của bị đơn được thực hiện trong thời hạn luật định nên được chấp nhận về mặt hình thức.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn yêu cầu xem xét lại lãi suất và số tiền Công ty Cổ phần M phải trả cho Ông Đoàn Xuân L; Tuy nhiên tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu xem xét lại tiền lãi và số tiền Công ty Cổ phần M phải trả cho Ông Đoàn Xuân L; Tuy nhiên tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận thỏa thuận của các đương sự:

Công ty Cổ phần M đồng ý trả cho Ông Đoàn Xuân L số tiền 75.000.000 (Bảy mươi lăm triệu) đồng trước ngày 30/01/2019.

Về án phí:

Sửa án phí dân sự sơ thẩm như sau:

Công ty Cổ phần M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 75.000.000 đồng phải trả cho Ông Đoàn Xuân L. Công ty Cổ phần M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

Ông Đoàn Xuân L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Ông Đoàn Xuân L đã nộp là 5.065.575 đồng theo biên lai số AA/2017/0022232 của Chi cục thi hành án dân sự Quận X;

Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) Công ty Cổ phần M chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) Công ty Cổ phần M đã nộp theo biên lai số 023168 ngày 25/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận X. Công ty Cổ phần M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận X;
- TAND Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu (T15).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Quang